TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐĂK LĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10/7/2020 "*V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐĂKLĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Lợi Niê.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Tha Mlô, ông Nguyễn Đăng Lân

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh ĐăkLăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh ĐăkLăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh ĐăkLăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về " *V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày/08/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐST – HNGĐ, ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H B N, sinh năm 1974 (Có mặt)
Địa chỉ: Buôn KNA, xã CM, huyện CM, tỉnh ĐL
- Bị đơn: Ông Y Bl Ê, sinh năm 1973 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Buôn Bl, xã CM, huyện CM, tỉnh ĐL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà H B Niê trình bày:

Bà H B Niê và ông Y Bl Ê chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, bà H B và ông Y B có 02 con chung: Y K N, sinh năm 1994 và H S N, sinh năm 2004, các con khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay Y K đã lập gia đình, còn H S đang sống với bà H B.

Về tình cảm lúc đầu sống chung hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông Y B bộc lộ tính cách sống không chung thủy, không tôn trọng vợ con và thiếu quan tâm đến đời sống vợ con. Đỉnh điểm là đến đầu năm 2017 ông Y B bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng sống ly

thân cho đến nay. Nay tình cảm giữa bà H B và Y B thực sự không còn nữa, bà B đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà H B N và ông Y Bl Ê là vợ chồng.

Về con chung: Hiện nay Y K N đã trên 18 tuổi và lập gia đình nên bà H B không yêu cầu gì. Riêng H S N đã trên 16 tuổi, vì vậy việc con muốn ở với ai là do con quyết định. Trường hợp cháu H Sim ở với bà H B thì bà H B không yêu cầu ông Y B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Bà H B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H B phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã nhiều lần Tòa án niêm yết giấy báo, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho ông Y B theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Y B cố tình lẩn tránh, không đến tòa làm việc nên không ghi nhận được lời khai cũng như ý kiến của ông Y Bl.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng quy định theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, Căn cứ các điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H B N.

Về con chung: Trên cơ sở nguyện vọng của cháu H S N và bà H B N nên đề nghị Hội đồng xét xử cần giao cháu cho bà H B N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà H B không yêu cầu ông Y Bl Ê cấp dưỡng nên không đề cập xem xétgiải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. ***Về thủ tục tố tụng:*** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện CM đã tiến hành tống đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại buổi hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà H B Niê và ông Y Bl Ê chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, bà H B và ông Y B có 02 con chung: Y K N, sinh năm 1994 và H S N, sinh năm 2004, các con khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay Y K đã lập gia đình, còn H S đang sống với bà H B.

Về tình cảm lúc đầu chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là ông Y B bộc lộ tính cách sống không chung thủy, không tôn trọng vợ con và thiếu quan tâm đến đời sống vợ con. Đỉnh điểm là đến đầu năm 2017 ông Y B bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay tình cảm giữa bà H B và Y B thực sự không còn nữa, bà B đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H B N và ông Y Bl Ê.

Biên bản xác minh tại địa phương ngày 25/3/2020 thể hiện: Ông Y Bl Ê trước đây sống chung với bà H B N tại Buôn KNA, xã CM, huyện CM nhưng đến năm 2017 ông Y B đến chung sống cùng bà H R Ml tại Buôn Bl, xã CM, huyện CM cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận định: Bà H B N có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Y B là chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Đối với Y K N hiện nay trên 18 tuổi và đã lập gia đình, bà H B không yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết. Đối với H S N hiện nay trên 16 tuổi, nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ, nên HĐXX cần giao cháu H S N cho bà H B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà H B không yêu cầu nên không giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[**5**] Về án phí: Bà H B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 4 Điều 147; khoản 1 khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H B N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà H B N và ông Y Bl Ê là vợ chồng.

Về con con chung: Gaio cháu H S N, sinh ngày 17/12/2004 cho bà H B N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ba H B N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Y Bl Ê được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà H B N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004398, ngày 19/2/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh ĐL;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã CM;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Y Lợi Niê